

Biểu mẫu 09

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG THCS QUANG TRUNG**

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Học sinh trong độ tuổi và được PGD phân bổ về trường.	Điều kiện phiên chế lớp cho phép	Điều kiện phiên chế lớp cho phép	Điều kiện phiên chế lớp cho phép
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Theo quy định của BGD&ĐT	Theo quy định của BGD&ĐT	Theo quy định của BGD&ĐT	Theo quy định của BGD&ĐT
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Phối hợp thường xuyên và kịp thời - Thái độ học tập chủ động, tích cực thực hiện các qui định của nhà trường.	- Phối hợp thường xuyên và kịp thời - Thái độ học tập chủ động, tích cực thực hiện các qui định của nhà trường.	- Phối hợp thường xuyên và kịp thời - Thái độ học tập chủ động, tích cực thực hiện các qui định của nhà trường.	- Phối hợp thường xuyên và kịp thời - Thái độ học tập chủ động, tích cực thực hiện các qui định của nhà trường.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Thực hiện phong trào TDTT, ngoài giờ lên lớp, thực hiện học tin học	- Thực hiện phong trào TDTT, ngoài giờ lên lớp, thực hiện học tin học	- Thực hiện phong trào TDTT, ngoài giờ lên lớp, thực hiện học tin học.	- Thực hiện phong trào TDTT, ngoài giờ lên lớp, thực hiện học tin học, đảm bảo TN.THCS 100%

V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Dự kiến sức khỏe tốt, học lực khá giỏi 70% trở lên Hạnh kiểm Khá tốt 98% trở lên (không có học sinh đạt hạnh kiểm yếu)	- Dự kiến sức khỏe tốt, học lực khá giỏi 70% trở lên Hạnh kiểm Khá tốt 98% trở lên (không có học sinh đạt hạnh kiểm yếu)	- Dự kiến sức khỏe tốt, học lực khá giỏi 70% trở lên Hạnh kiểm Khá tốt 98% trở lên (không có học sinh đạt hạnh kiểm yếu)	- Dự kiến sức khỏe tốt, học lực khá giỏi 70% trở lên Hạnh kiểm Khá tốt 98% trở lên (không có học sinh đạt hạnh kiểm yếu)
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Đảm bảo theo biên chế từng lớp, bỏ học không quá 0.8%	- Đảm bảo theo biên chế từng lớp, bỏ học không quá 0.8%	- Đảm bảo theo biên chế từng lớp, bỏ học không quá 0.8%	- Đảm bảo theo biên chế từng lớp, bỏ học không quá 0.8%

Gò Vấp, ngày 08 tháng 5 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Dương Hữu Đức

Biểu mẫu 10

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG THCS QUANG TRUNG**

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	2228	750	544	434	500
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	97.3%	97.3%	96.9%	98.4%	96.6%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	2.7%	2.53%	3.13%	1.61%	3.4%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0.04%	0.13%	0%	0%	0%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%
II	Số học sinh chia theo học lực	2228	750	544	434	500
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	63.2%	65.3%	62.9%	61.1%	62.2%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	23.4%	28.7%	26.8%	32%	26.4%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	7.9%	0.4%	1.47%	0.23%	0%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0.6%	0.4%	1.47%	0.23%	0%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%

III	Tổng hợp kết quả cuối năm	2228	750	545	433	500
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	99.5	99.6%	98.5%	99.8%	100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	63.6%	65.3%	62.7%	61.2%	62.2%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	28.4%	28.7%	26.8%	32%	26.4%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0.5%	0.4%	1.47%	0.23%	0%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	1.9% 2.6%	1.2% 1.5%	3.1% 4.2%	3% 1.8%	2.4% 1.6%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0.27%	0.4%	0.4%	0.2%	0%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	59	5	4	8	42
1	Cấp huyện	51	3	4	5	39
2	Cấp tỉnh/thành phố	8	2	0	3	3
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	500	0	0	0	500
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	500	0	0	0	500
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	62.2%	0	0	0	62.2%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	26.4%	0	0	0	26.4%

3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	11.4%				11.4%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1119/1109	359/391	252/292	216/218	252/248
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	43	14	8	9	12

Gò Vấp, ngày 08 tháng 5 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Dương Hữu Đức

Biểu mẫu 11

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG THCS QUANG TRUNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	1	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	40	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	2	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1.1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	45	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	5311	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2754	
VI	Tổng diện tích các phòng	2878	
1	Diện tích phòng học (m ²)	2264	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	124	
3	Diện tích thư viện (m ²)	148	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	42	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp

1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	90	
1.2	Khối lớp 7	61	
1.3	Khối lớp 8	88	
1.4	Khối lớp 9	60	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp...		
2.2	Khối lớp...		
2.3	Khối lớp...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	1	4m ²
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	102	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	65	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	48	
2	Cát xét	8	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	4/2/2	
5	Thiết bị khác...		
6			

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	65	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	48	
2	Cát xét	8	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	4/2/2	
5	Thiết bị khác...		
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	159
XI	Nhà ăn	242

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	28 phòng, 1568 m ²	1400	1.12
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	8		39/33		0.16/0.14
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Gò Vấp, ngày 08 tháng 5 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Dương Hữu Đức

Biểu mẫu 12

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG THCS QUANG TRUNG

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường
trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	Th S	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	93		2	71	7	3	7	22	45					
I	Giáo viên	75		1	65	9			22	47					
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	13			11	2									
2	Lý	5			5										
3	Hóa	3		1	2										
4	Thể dục	5			5										
5	Nhạc	3			1	2									
6	Mỹ Thuật	2			2										
7	Tin học	2			2										
8	Anh văn	10			10										
9	Văn	13			12	1									
10	Sử	4			4										
11	Địa	4			4										
12	Sinh	5			4	1									
13	GDCD	4			3	1									
14	Công Nghệ	2				2									
II	Cán bộ quản lý	3		1	2					3		1	2		

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	Th S	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
1	Hiệu trưởng	1		1						1		1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2					2			2		
III	Nhân viên	15			4	1	3	7							
1	Nhân viên văn thư	1			1										
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	1			1										
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1				1									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1					1								
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
8	Nhân viên công nghệ thông tin	1					1								
9	Nhân viên khác	8			1			7							

Gò Vấp, ngày 08 tháng 5 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Dương Hữu Đức